

Bản án số: 60/2017/HNGĐ-ST.
Ngày 29 - 9 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Hoàng Viết Toàn

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Mai Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị M, sinh năm 1990; cư trú tại thôn N, xã huyện A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên toà (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1987; cư trú tại thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên toà (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và tại các bản tự khai, nguyên đơn là chị Ngô Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn L kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình mẹ đẻ anh L ở thôn N, xã A, huyện A. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L nghiện hút ma túy, sống không trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình, chính quyền địa phương

khuyên ngăn, hoà giải nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 3 năm 2017, chị Ngô Thị M đã bỏ đi nơi khác sống ly thân với anh Đỗ Văn L. Hiện tại vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị Ngô Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Trung K – sinh ngày 08 tháng 12 năm 2011 và Đỗ Thành C – sinh ngày 07 tháng 7 năm 2014, các con chung hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị M đề nghị Tòa án giao các con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn anh Đỗ Văn L: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Văn L đã được Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh L đến Tòa án giải quyết việc chị Ngô Thị M xin ly hôn nhưng anh Đỗ Văn L đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Ngô Thị M được ly hôn với anh Đỗ Văn L; Về con chung, căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao các con chung Đỗ Trung K – sinh ngày 08 tháng 12 năm 2011 và Đỗ Thành C – sinh ngày 07 tháng 7 năm 2014 cho chị Ngô Thị M nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh L cho chị M, khi nào chị M có yêu cầu sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác, thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 30 tháng 9 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Ngô Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đỗ Văn L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh Đỗ Văn L vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Ngô Thị M và bị đơn anh Đỗ Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án

đã xác định chị Ngô Thị M và anh Đỗ Văn L kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A vào năm 2010. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh L nghiện hút ma túy dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xảy ra va chạm cãi, chửi nhau; hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Ngô Thị M và anh Đỗ Văn L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Ngô Thị M được ly hôn với anh Đỗ Văn L.

[3] Về con chung: Chị Ngô Thị M và anh Đỗ Văn L có 02 con chung Đỗ Trung K – sinh ngày 08 tháng 12 năm 2011 và Đỗ Thành C – sinh ngày 07 tháng 7 năm 2014, các con chung hiện do chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị M có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; anh L vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con chung khi ly hôn. Xét thấy việc nuôi con chung vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao các con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo cho các con chung được nuôi dạy trong điều kiện tốt nhất; hiện tại các con chung còn nhỏ, cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, mặt khác các con chung đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, được nuôi dạy và phát triển tốt. Do vậy cần giao các con chung cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng để các con chung có điều kiện ổn định cuộc sống.

Chị Ngô Thị M có quan điểm không yêu cầu anh Đỗ Văn L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị, xét thấy quan điểm của chị M là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh L cho chị M, khi nào chị M có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về tài sản: Ly hôn chị Ngô Thị M xác định vợ chồng không có tài sản chung và có quan điểm không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản; anh Đỗ Văn L vắng mặt, không có quan điểm về tài sản. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản.

Khi các đương sự có tranh chấp về việc nuôi con chung hoặc có yêu cầu giải quyết về tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 210, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị M được ly hôn với anh Đỗ Văn L.

2. Về con chung: Xử giao các con chung Đỗ Trung K – sinh ngày 08 tháng 12 năm 2011 và Đỗ Thành C – sinh ngày 07 tháng 7 năm 2014 cho chị Ngô Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh Đỗ Văn L cho chị Ngô Thị M, khi nào chị M có yêu cầu sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Thời hạn nuôi con tính từ ngày 30 tháng 9 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Chị M đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004199 ngày 07 tháng 7 năm 2017) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã A;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch

